

LẠM PHÁT – TỪ LÝ THUYẾT ĐẾN THỰC TIỄN

PGS., TS Trần Hoàng Ngân
GV. Phạm Thị Anh Thư *

Trong năm 2004, thuật ngữ lạm phát (inflation) đã được nhiều nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách, nhà báo đề cập rất nhiều và chúng tôi cũng nằm trong số đó. Lạm phát là hiện tượng vốn có của nền kinh tế tiền tệ và là những vấn đề cấp thiết của kinh tế vĩ mô. Lạm phát là gì? Nguyên nhân, hậu quả và giải pháp như thế nào để kiểm soát lạm phát?

Riêng về khái niệm lạm phát cũng đã có những phát biểu khác nhau: Một số nhà kinh tế học cho rằng “lạm phát là hiện tượng tiền được cung ứng nhiều hơn mức cần thiết hoặc là do khối lượng tiền thực tế trong lưu thông lớn hơn khối lượng tiền cần thiết” hoặc cho rằng “lạm phát là quá nhiều tiền được bỏ ra để sản ra quá ít hàng hóa”, “lạm phát là hiện tượng bội chi lâu dài của Ngân sách nhà nước”, “lạm phát là một khối u ác tính, thể hiện sự nở phồng lên của tiền tệ”. Theo Milton Friedman: “Lạm phát bao giờ và ở đâu cũng là một hiện tượng tiền tệ”. Theo chúng tôi “lạm phát là sự suy giảm sức mua của tiền tệ và được đo lường bằng sự gia tăng của mức giá chung trong nền kinh tế”

Các nhà kinh tế thường đo lường lạm phát bằng hai chỉ tiêu cơ bản là chỉ số giá tiêu dùng - CPI (Consumer Price Index), chỉ số khử lạm phát GDP hay chỉ số điều chỉnh GDP (Gross Domestic Product Deflator). Cách tính thứ nhất sẽ dựa trên một rổ hàng hóa tiêu dùng và giá cả

của những hàng hóa trong rổ ở hai thời điểm khác nhau. Còn cách tính thứ hai thì căn cứ vào toàn bộ khối lượng hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất trong một năm và giá cả ở hai thời điểm khác nhau, thông thường theo ngôn ngữ thống kê là giá cố định và giá hiện hành. Giữa chỉ số khử lạm phát GDP và CPI có ba khác biệt cơ bản:

Thứ nhất, loại hàng hóa và dịch vụ mà mỗi chỉ số sử dụng. CPI chỉ xét đến một nhóm hàng hóa và dịch vụ trong nền kinh tế (được người tiêu dùng mua). Do vậy, sự gia tăng giá hàng hóa dịch vụ do công ty hay Chính phủ mua, như máy móc, sẽ được biểu thị trong chỉ số khử lạm phát GDP nhưng không thể hiện trong CPI.

Thứ hai, chỉ số khử lạm phát GDP bao gồm những hàng hóa sản xuất trong nước mà thôi. Những hàng hóa thành phẩm nhập khẩu không được tính đến, và do đó, sự thay đổi giá hàng nhập khẩu không có tác động trực tiếp đến chỉ số khử lạm phát GDP trong ngắn hạn. Tuy nhiên, CPI chịu ảnh hưởng của những thay đổi giá cả hàng nhập khẩu trong chừng mực

hàng hóa đó là một phần của “giỏ” hàng hóa tính CPI.

Thứ ba, cách thức đưa giá cả những hàng hóa khác nhau vào hai chỉ số giá. CPI dựa trên 1 “giỏ” hàng hóa và dịch vụ được gán cho những trọng số cố định (chỉ số giá Laspeyres). Các hàng hóa trong “giỏ” hàng của chỉ số khử lạm phát GDP được phép thay đổi theo thời gian khi thành phần của GDP thay đổi (chỉ số giá Paasche). Nói cách khác, CPI sử dụng số lượng năm cơ sở làm trọng số, trong khi chỉ số khử lạm phát GDP sử dụng số lượng năm hiện hành làm trọng số. Ví dụ, nếu một trận hạn hán làm phá hủy vụ mùa ngô (bắp), sản lượng ngô giảm xuống zero, và giá ngô tăng mạnh. Trong trường hợp này, ngô (không được sản xuất) sẽ biến mất trong chỉ số khử lạm phát GDP nhưng vẫn tiếp tục được tính đến trong CPI, góp phần làm tăng đáng kể chỉ số CPI.

Chỉ số CPI có thể tính được tại bất cứ thời điểm nào (cuối tháng, cuối quý), còn chỉ số khử GDP thì chỉ tính vào cuối năm vì phải dựa vào báo cáo GDP của năm đó. Đây là lý do quan trọng mà chúng ta dùng CPI để phản ánh lạm

phát của Việt Nam trong những năm qua.

Sự khác biệt giữa hai chỉ số không lớn lắm nếu lạm phát thấp và ổn định, nhưng có thể đáng kể khi có sự thay đổi lớn về giá tương đối và những biến động trong giá nhập khẩu khác với những biến động trong giá hàng hóa dịch vụ sản xuất trong nước. Chỉ số có trọng số cố định (chỉ số Laspeyres) bỏ qua cái gọi là ảnh hưởng thay thế giữa các sản phẩm, ảnh hưởng này quan trọng nếu người tiêu dùng có thể thay thế các sản phẩm có giá ít tăng cho những sản phẩm mà giá tăng nhiều hơn. Do đó, nó có xu hướng thể hiện quá cao lạm phát. Những chỉ số có trọng số cố định khác: chỉ số giá bán buôn (WPI) và chỉ số giá sản xuất (PPI), lần lượt đo lường giá hàng hóa ở mức giá bán buôn và mức giá sản xuất.

Ngoài ra, các nước còn dùng chỉ số lạm phát cơ bản (core inflation), trong chỉ số này người ta tách giá lương thực, giá dầu (yếu tố ngoại sinh) để tính CPI cơ bản. Tại Việt Nam nếu chúng ta tính lạm phát theo core inflation thì sẽ loại bỏ 1/2 rổ hàng hóa như vậy sẽ không phản ánh chính xác. Tuy nhiên theo chúng tôi, chúng ta nên tiếp tục sử dụng CPI (Consumer Price Index) như đã dùng trong nhiều năm qua.

Người ta thường phân chia lạm phát thành những loại chủ yếu sau:

Lạm phát do chính sách: thường xảy ra do những biện pháp tiền tệ mở rộng, phản ánh thâm hụt thu chi ngân

sách lớn và việc tài trợ thâm hụt đó bằng việc phát hành tiền tệ (monetary inflation), đây là cội rễ của lạm phát cao. Một ví dụ kinh điển đó là những trận siêu lạm phát (hyperinflation) ở Áo và Đức những năm 20 do mở rộng tiền tệ thái quá, giá cả năm 1923 tại Đức tăng gấp 34 tỉ lần giá cả năm 1921, khi đổi tiền 1 tỉ DEM cũ đổi 1 DEM mới. Hoặc Chính phủ đang thực thi chính sách tiền tệ mở rộng để thúc đẩy tăng trưởng, nhưng do tổng cầu hàng hóa dịch vụ tăng cao hơn tổng cung và dẫn đến giá cả tăng. Chúng ta có thể sử dụng phương trình định lượng của nhà kinh tế Irving Fisher ($MV=PY$), trong đó M là tiền tệ, V là tốc độ lưu thông tiền tệ (velocity of money), P là mức giá chung, Y là GDP thực. Nếu M tăng, V và Y không đổi thì P sẽ tăng.

Lạm phát do cung hay là lạm phát chi phí đẩy (cost push inflation): xảy ra do tăng chi phí không mong đợi (ví dụ giá dầu thô tăng cao trong năm 2004 làm chi phí sản xuất của các doanh nghiệp tăng cao) hoặc do thu hẹp tổng cung, năng lực sản xuất giảm thấp. Tiền lương (tiền công) thường là chi phí sản xuất quan trọng nhất, sự gia tăng tiền lương không phù hợp với tăng trưởng năng suất có thể khơi mào cho quá trình lạm phát. Nhưng lạm phát do chi phí đẩy có thể không dai dẳng nếu chính sách tiền tệ tác động vào, trong trường hợp đó, tiền lương tăng dẫn tới thất nghiệp cao hơn thay vì lạm phát cao hơn.

Lạm phát do cầu kéo (demand pull inflation): xảy ra do tổng cầu vượt trội hoặc tăng đột biến đẩy mức giá chung lên cao. Sự thúc đẩy của cầu có thể xuất phát từ những cú sốc bên trong hay bên ngoài nhưng thường hình thành từ những chính sách tài chính mở rộng (tăng chi giảm thu), các hộ gia đình có nguồn thu nhập tăng và tăng chi tiêu, các doanh nghiệp tăng đầu tư...

Lạm phát quán tính - lạm phát dự kiến: có xu hướng dai dẳng ở cùng tỷ lệ cho đến khi những sự kiện kinh tế gây ra nó thay đổi. Nếu lạm phát cứ đều đặn, tỷ lệ lạm phát hiện tại có thể được dự đoán cho tương lai và do đó được đưa vào các hợp đồng tiền lương, kinh tế và tài chính, điều này lại tiếp tục duy trì nó.

Thông thường những cú sốc đối với nền kinh tế từ phía cung hay cầu làm cho tỷ lệ lạm phát thực tế di chuyển lên trên hay xuống dưới tỷ lệ lạm phát cơ bản. Các cú sốc chính về phía cầu bao gồm sự tăng nhanh của tổng cầu do dự đoán thu nhập sẽ tăng.

Lạm phát do chính sách, lạm phát do cầu kéo được nhận thấy ở nhiều nền kinh tế đang chuyển đổi, là kết quả của những chính sách thu chi ngân sách có nhiều hạn chế và việc tài trợ bằng tiền cho thâm hụt ngân sách. Thông thường, những cú sốc bên ngoài như những cú sốc xuất phát từ tăng giá năng lượng hay thu hẹp thương mại với các bạn hàng truyền thống có xu hướng bổ sung cho áp lực lạm phát.

Thực tiễn lạm phát ở Việt Nam... (Xem tiếp kỳ tới)